**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8**

**1. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Truyện** (Truyện ngắn). | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **Thơ** (thơ Đường luật, thơ sáu chữ, bảy chữ). |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học: **truyện** (yêu cầu lựa chọn văn bản ngoài sách giáo khoa và học sinh chưa từng được học). | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** |  |  | 3 TN | 5 TN | 2 TL |  |
| 1. Truyện ngắn,  | **Nhận biết:** - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.- Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.- Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp. **Thông hiểu**: - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.- Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.- Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.- Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng:**- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.- Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm. phúng; vai trò, ý nghĩa của một số yếu tố hình thức thơ Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.- Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.- Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.- Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng**- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.- Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ. |  |  |  |  |
| 2. Thơ (thơ Đường luật, thơ sáu chữ, bảy chữ). | **Nhận biết**- Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu. Nhận biết một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.- Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệp, nhịp điệu trong bài thơ; nhận biết được các yếu tố trào phúng trong thơ.- Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.- Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập trong văn bản. **Thông hiểu**- Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.- Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật thơ trào  |  |  |  |  |
| **2.** | **VIẾT** | 3. Phân tích một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tự do: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL |
| **Tổng** |  | 3TN | 5TN | 2 TL | 1TL |
| ***Tỉ lệ %*** |  | 20% | 40% | 30% | 10% |
| **Tỉ lệ chung** |  | 60% | 40% |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn : Ngữ Văn 8**

**Thời gian : 90’**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**XUÂN VỀ**

*Đã thấy xuân về với gió đông,*

*Với trên màu má gái chưa chồng.*

*Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm*

*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,*

*Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.*

*Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?*

*Gió về từng trận, gió bay đi…*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,*

*Lúa thì con gái mượt như nhung*

*Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,*

*Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,*

*Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.*

*Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,*

*Tay lần tràng hạt miệng nam vô.*

 *(1937 - Tuyển tập thơ Nguyễn Bính)*

**Câu 1.** Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Sáu chữ D. Bảy chữ

**Câu 2.**Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3.** Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.

C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

**Câu 4.** Xác định nội dung chính của văn bản?

A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

**Câu 5.** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu *“Lúa thì con gái mượt như nhung”.*

A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 6.** Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: “Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?” là:

A. Bồi hồi, xúc động. B. Buồn thương, nuối tiếc.

C. Lưu luyến, vấn vương. D. Ngỡ ngàng, vui sướng.

**Câu 7.** Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:

*“Lúa thì con gái mượt như nhung”.*

A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

**Câu 8.** (0,5 điểm) Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.

A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.

B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.

C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.

D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

**Câu 9** (1,0 điểm). Trình bày nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

“Trên đường cát mịn, một đôi cô,

Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”

**Câu 10** (1,0 điểm)**.** Em rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tự do mà em yêu thích nhất

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | \*Nét đẹp văn hóa của làng quê Việt Nam qua 2 câu thơ :- Lề trẩy hội vào mùa xuân với nam thanh,nữ tú nô nức đi hội chùa trong không khí nhộn nhịp ....- Em thấy trân trọng những nét đẹp về văn hóa của Việt Nam.- Em mong rằng những truyền thống này sẽ được giữ gìn và phát triển lâu dài. | 1,0 |
|  | **10** | Học sinh tự trình bày thông điệp :- Trân trọng và phát huy nét đẹp truyền thống của dân tộc .- Trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn ... | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
| **Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về đoạn thơ trong ngữ liệu đọc hiểu.**  |  |
| *a. Đảm bảo hình thức và cấu trúc đoạn văn*- Được viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.- Cấu trúc gồm 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng đối tượng cần nêu cảm nghĩ*Đoạn văn viết theo thể thơ tự do trong phần Đọc hiểu. | 0.25 |
| *c. Triển khai đoạn văn*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **\***Giới thiệu nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm cùng trường ca “Mặt đường khát vọng”, vị trí đoạn thơ. | 0.25 |
| \*Trình bày cảm nghĩ về nét độc đáo của đoạn thơ về cả nội dung và nghệ thuật:**-** Xác định chủ đề/ nội dung chính đoạn thơ**:** Đoạn trích thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình: xao xuyến, bồi hồi và tiếc nuối về những tháng ngày thơ ấu đẹp đẽ; đồng thời cũng thể hiện niềm trân trọng đối với những điều bình dị, thân thuộc quanh mình và lòng biết ơn về công lao sinh thành của mẹ.- Nêu cảm nghĩ về một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của đoạn thơ (phù hợp với đặc trưng thơ tự do:+ Chủ thể trữ tình: Xuất hiện trực tiếp qua đại từ nhân xưng “ta”+ Từ ngữ: sử dụng các từ ngữ bộc lộ tình cảm trực tiếp: *vô tư, xao xuyến, mênh mang, bối rối, biết ơn, quý yêu,…**+* Hình ảnh gần gũi, thân thuộc về những năm tháng niên thiếu tươi đẹp: *màu mực tím, bèo lục bình, nét chữ thiếu thời, hoa phượng, những cánh sẻ nâu, cánh diều thơ nhỏ, sắc trời xanh, …*+ Các phép tu từ: ẩn dụ *nét chữ thiếu thời trôi nhanh*; so sánh (*Nét chữ thiếu thời trôi nhanh như dòng sông; Phượng cứ nở hoài như đếm tuổi,* … ), điệp ngữ *biết ơn,…**+* Giọng điệu trữ tình nhẹ nhàng, lắng sâu, chiêm nghiệm.*-* Nêu tác dụng của thể thơ tự do: Thể thơ tự do với vần, nhịp linh hoạt giúp nhà thơ thể hiện sâu sắc nỗi nhớ tuổi niên thiếu da diết – một tuổi thơ êm đềm, bình yên và lòng biết ơn đối với những điều giản dị quanh mình. ***Hướng dẫn chấm****:**- Nêu cảm nghĩ đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm – 1,75 điểm.**- Nêu cảm nghĩ đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc nêu cảm nghĩ sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,0 điểm – 1,25 điểm.**- Nêu cảm nghĩ chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm..* | 1.75 |
| - Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ:Đoạn thơ của Nguyễn Khoa Điềm đã gieo cho ta những chiêm nghiệm, để từ đó thêm biết ơn và trân trọng những điều bé nhỏ, giản dị quanh mình, thêm yêu quê hương, đất nước hơn. |  0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu đoạn văn có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện cảm nghĩ sâu sắc về đoạn thơ; có cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh, cảm xúc.***Hướng dẫn chấm****:* *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.**- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | **10,0** |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a.Đảm bảo cấu trúc bài văn phân tích một tác phẩm văn học (tác phẩm truyện)*- Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.Phân tích được nội dung cơ bản và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện- Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng, không sai chính tả. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Phân tích một tác phẩm văn học. Bài viết có sự sáng tạo. | 0,25 |
|  | HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:\*Mở bài: - Giới thiệu ngắn gọn tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả).- Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.\*Thân bài:- Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.- Trích dẫn 1 số bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề tác phẩm.- Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.- Trích dẫn 1 số bằng chứng để làm sáng tỏ đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.\*Kết bài:- Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. | 0,50,25 0,75 0,75 0,750,5 |